TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 367/2025/HS-PT
Ngày 22 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Hà **-** Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 188/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2025/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025, đối với:

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Hoàng A, (Tên gọi khác: H), sinh ngày 10/7/1989 tại tỉnh Tiền Giang; thẻ CCCD: 082089003514; nơi cư trú: Tổ E, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Hồ Thị C; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam ngày 05/10/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh T cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Đoàn Trọng N – Luật sư Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị N1; bị hại Trường Trung học cơ sở M2 và 39 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Trung học cơ sở M2 (viết tắt "*Trường THCS M2*") được thành lập theo Quyết định số 3383/QĐ-UBND ngày 18/7/2012 của Ủy ban nhân dân (gọi tắt là "*UBND*") huyện C, tỉnh Tiền Giang, là đơn vị sự nghiệp công lập. T thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 18/6/2014 của UBND thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Trường THCS M2 có con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (gọi tắt là "*KBNN*") được Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên từ năm 2016.

Bà Nguyễn Thị Xuân H2, sinh ngày 06/02/1969, ngụ tại: Ấp P, xã M, thị xã C, Tiền Giang, từ tháng 03/2013 đến tháng 11/2016 giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS M2; ngày 29/11/2016, bà H2 được điều động làm Hiệu trưởng Trường THCS M3.

Ngày 29/11/2016, UBND thị xã C, tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 10397/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm Nguyễn Thị N1 giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS M2 (thay thế vị trí của bà Nguyễn Thị Xuân H2) từ tháng 12/2016.

Nguyễn Hoàng A được phân công làm kế toán tại Trường THCS M2 từ tháng 11/2011 đến tháng 12/2021. Với vai trò là kế toán, Nguyễn Hoàng A có nhiệm vụ: Quản lý tài chính, tài sản; chịu trách nhiệm giám sát, hướng dẫn các bộ phận thực hiện đúng trách nhiệm và đúng quy định về quản lý tài chính kế toán; công khai thu, chi tài chính từng tháng, từng quí, từng học kỳ, năm học; đảm bảo nguyên tắc dự toán, quyết toán với các cơ quan cấp trên; tham mưu cho Hiệu trưởng, đồng thời cân đối nguồn kinh phí, phải phân bổ một cách hợp lý cho mọi hoạt động của trường; đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán.

Năm 2023, trên cơ sở kết quả thanh tra tài chính, Bản kết luận thanh tra số 209 ngày 12/7/2023 của Thanh tra thị xã C kết luận: Nguyễn Hoàng A có hành vi lập khống hồ sơ dự toán, quyết toán (lập khống chứng từ kế toán), chiếm đoạt tiền ngân sách nhà nước 3.062.502.964 đồng; đồng thời ban hành Công văn số 210 ngày 12/7/2023 về việc chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T thụ lý, giải quyết theo quy định. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T xác định: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên đầu năm 2016, Nguyễn Hoàng A đã nảy sinh ý định tham ô tiền của Trường THCS M2, bị cáo luyện giả chữ ký của bà Nguyễn Thị Xuân H2 và bị cáo Nguyễn Thị N1, sau đó lợi dụng sự tin tưởng, buông lỏng kiểm tra, giám sát công tác tài chính, kế toán của bà Nguyễn Thị Xuân H2 và bị cáo Nguyễn Thị N1 để tham ô số tiền 3.335.186.908 đồng của Trường THCS M2, cụ thể như sau:

A. Hành vi tham ô tài sản của bị cáo Nguyễn Hoàng A:

* Hành vi phạm tội của Nguyễn Hoàng A từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2016 (giai đoạn bà Nguyễn Thị Xuân H2 làm Hiệu trưởng):

Đầu năm 2016, bà Nguyễn Thị Xuân H2 chỉ đạo và bị cáo Nguyễn Hoàng A đã tham mưu cho bà H2 ký ban hành Kế hoạch tự kiểm tra tài chính kế toán theo quy định tại Quyết định số 67/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ T4. Tuy nhiên, từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2016, Nguyễn Hoàng A đã lập khống chứng từ, ký giả chữ ký của bà H2 để tham ô tiền với thủ đoạn như sau:

- Hành vi lập chứng từ chi lương khống cho 07 trường hợp nghỉ thai sản để tham ô tổng số tiền 57.593.565 đồng.

Năm 2016, Trường THCS M2 có 07 trường hợp giáo viên nghỉ thai sản, gồm: Trần Thị Cẩm L, Lê Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Huỳnh H4, Chu Thị M, Nguyễn Thị Kiều P và Trà Thị G. Theo quy định, tiền lương hàng tháng của 07 giáo viên này do BHXH (gọi tắt là "*Bảo hiểm xã hội*") chi trả. Để tham ô tài sản, hàng tháng, Nguyễn Hoàng A lập bảng lương, phụ cấp ưu đãi, danh sách cán bộ công nhân viên (gọi tắt là "*CBCNV*") nhận lương qua thẻ ATM đúng số lượng giáo viên trên phần mềm Excel. Trong đó, các trường hợp giáo viên nghỉ thai sản nêu trên, bị cáo thao tác trên phần mềm Excel: "*dùng lệnh làm ẩn đi số liệu tiền lương của giáo viên nghỉ thai sản, nhưng vẫn đặt công thức lệnh "SUM" để cộng các cột lương chi tiết thành số liệu tổng lương, phụ cấp trong tháng. Vì vậy, mặc dù đã ẩn cột tiền lương, nhưng công thức cộng vẫn tồn tại và không làm thay đổi số liệu tổng, sau đó bị cáo in ra bảng giấy*". Bị cáo trình Bảng lương, Danh sách phụ cấp ưu đãi, Danh sách giáo viên nhận tiền qua thẻ ATM, Giấy rút dự toán cho bà Nguyễn Thị Xuân H2 ký duyệt.

Tiếp nhận các chứng từ nêu trên, bà Nguyễn Thị Xuân H2 chỉ kiểm tra xác định đúng số lượng giáo viên công tác, trong đó 07 giáo viên nghỉ thai sản không tính lương, bà H2 không kiểm tra, cộng lại tiền lương của từng giáo viên thực hưởng để so sánh với tổng tiền lương thể hiện trên bảng lương, nên không phát hiện số tổng tiền lương trên bảng lương cao hơn so với tổng tiền lương chi tiết của từng giáo viên cộng lại. Từ đó, Nguyễn Hoàng A tham ô tổng số tiền 57.593.565 đồng; (số tiền tham ô được thống kê tại Phụ lục 1).

- Hành vi tham ô số tiền BHXH hoàn trả chi chế độ thai sản và tiền chi Phúc lợi của Trường THCS M2, với tổng số tiền 58.551.097 đồng:

+ Tham ô số tiền 38.151.097 đồng do BHXH chuyển hoàn trả chi chế độ cho giáo viên nghỉ thai sản:

Căn cứ xét duyệt của BHXH ngày 23/12/2015 và ngày 26/12/2015, ngày 29/12/2015, bà Nguyễn Thị Xuân H2 ký Giấy rút dự toán ngân sách số 19/12-2015, kèm theo Danh sách giáo viên nhận tiền nghỉ ốm đau, nghỉ hộ sản quý III và Q IV năm 2015, đề nghị K chi nhánh thị xã C chuyển thanh toán cho 05 giáo viên, trong đó có cô Trần Thị Cẩm L: 17.146.500 đồng; cô Nguyễn Thị Kim H3: 28.226.800 đồng; các giáo viên này đã nhận đủ tiền chuyển qua tài khoản.

Ngày 14/01/2016, BHXH có Ủy nhiệm chi số 00022 chuyển số tiền: 38.151.097 đồng vào tài khoản số 8113 của Trường THCS M2 với nội dung

thanh toán "Chuyển tiền ốm đau, thai sản quý 4/2015", số tiền này BHXH hoàn trả lại khoản tiền đã chi cho cô Trần Thị Cẩm L và cô Nguyễn Thị Kim H3 theo chứng từ số 19/12-2015 ngày 26/12/2015, nhưng Nguyễn Hoàng A không báo cho bà Nguyễn Thị Xuân H2 biết.

Ngày 21/01/2016, Nguyễn Hoàng A lập Giấy rút dự toán số 02/01-2016 rút số tiền 38.151.097 đồng với nội dung thanh toán tiền giáo viên nghỉ thai sản, Danh sách giáo viên nhận tiền nghỉ hộ sản mang tên Trần Thị Cẩm L và Nguyễn Thị Kim H3, Danh sách chi tiền nghỉ thai sản chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của cô L, cô H3; kèm theo Thông báo quyết toán chi các chế độ BHXH tại đơn vị sử dụng lao động, Ủy nhiệm chi số 00022 của BHXH trình bà H2 ký, sau đó Nguyễn Hoàng A rút bỏ Danh sách chi tiền cho cô L và cô H3, lập lại danh sách nhận tiền với nội dung: "*Danh sách giáo viên nhận tiền hỗ trợ chi phí học tập CK từ KBNN thị xã về phát tiền hỗ trợ cho học sinh nghèo năm 2014-2015 ngày 21/01/2016, số tiền: 38.151.097đ; tên người nhận tiền: Nguyễn Hoàng A, tài khoản nhận là tài khoản cá nhân của Nguyễn Hoàng A số: 6907215066497*", ký giả chữ ký của bà Nguyễn Thị Xuân H2 ở vị trí "HIỆU TRƯỞNG" rồi đóng dấu của T, gửi cho Ngân hàng A2 – Chi nhánh thị xã C.

Sau khi kiểm soát trên hệ thống, Ngân hàng xác định khoản tiền kho bạc chuyển là chi trả chế độ thai sản theo mã nguồn, do đó Ngân hàng A2 chuyển hạch toán vào tài khoản cá nhân của Nguyễn Hoàng A theo đúng nội dung mã nguồn "*THCS Mai Thị Ú chi tiền thai sản*", không hạch toán theo nội dung: "*hỗ trợ cho học sinh nghèo năm 2014-2015*", sau khi có tiền trong tài khoản cá nhân, bị cáo rút tiền sử dụng cá nhân.

+ Tham ô số tiền 20.400.000 đồng, nguồn hỗ trợ đời sống giáo viên:

Ngày 09/5/2016, Nguyễn Hoàng A lập Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 02/05-2016 nội dung: "*Chuyển khoản 35% hỗ trợ đời sống giáo viên: (Chuyển khoản thanh toán tiền hổ trợ đời sống 68 giáo viên ngày Quốc tế lao động 01/05/2016); Danh sách giáo viên nhận tiền hỗ trợ chi phí học tập chuyển khoản từ KBNN thị xã C về phát tiền hỗ trợ cho học sinh nghèo năm 2015-2016 ngày 09/5/2016*", thể hiện số tài khoản, tên người nhận tiền là Nguyễn Hoàng A; ký giả chữ ký của bà Nguyễn Thị Xuân H2 gửi Kho bạc Nhà nước Ủy nhiệm chi, gửi Ngân hàng A2 Danh sách giáo viên nhận tiền. Căn cứ các chứng từ, Ngân hàng chuyển vào tài khoản của Nguyễn Hoàng A số tiền 20.400.000 đồng chiếm đoạt (BL 3136; 6804 – 6810).

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Hoàng A khai chữ ký của bà H2 có nét đơn giản, bị cáo đã tập ký rất nhiều lần đến khi giống mới ký vào chứng từ kế toán nêu trên, lợi dụng lúc mượn con dấu đóng vào các tài liệu có chữ ký thật của Hiệu trưởng, bị cáo lấy các tài liệu đã ký giả, đóng dấu vào tài liệu giả, nên nhìn bằng mắt thường không thể phát hiện.

Ngày 29/11/2016, UBND thị xã C, tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 10397/QĐ-UBND bổ nhiệm Nguyễn Thị N1 giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS M2.

Ngày 08/12/2016, bà Nguyễn Thị Xuân H2 và bà Nguyễn Thị N1 tiến hành bàn giao công việc, mốc thời gian thực hiện bàn giao từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/11/2016. Do chưa hết niên độ tài chính, các bên chỉ tiến hành kiểm quỹ bàn giao tiền mặt thực tế tại quỹ, các khoản thu, chi tài chính khác thực hiện bàn giao theo số liệu trên sổ kế toán, biên bản đối chiếu số liệu với kho bạc trong quý, số liệu thể hiện trên phần mềm kế toán MISA… (biên bản bàn giao lúc 08 giờ 30 phút ngày 08/12/2016), tại thời điểm bàn giao, không phát hiện việc Nguyễn Hoàng A tham ô tiền ngân sách từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2016 như đã nêu trên.

* Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoàng A từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2021 (giai đoạn bị cáo Nguyễn Thị N1 làm Hiệu trưởng):

Trong thời gian bà Nguyễn Thị N1 làm Hiệu trưởng, Nguyễn Hoàng A tiếp tục tham ô số tiền 3.219.042.246 đồng, thủ đoạn tham ô cụ thể từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn từ 12/2016 đến tháng 12/2019 tham ô số tiền 740.294.163 đồng bao gồm các phương thức, thủ đoạn sau:

+ Lập khống chứng từ các trường hợp nghỉ thai sản, nghỉ không lương, nghỉ ốm đau để tham ô số tiền 272.931.119 đồng (A).

Từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2019, tại Trường THCS M2 phát sinh các trường hợp Nguyễn Thị Huỳnh H4, Chu Thị M, Trà Thị G, Nguyễn Thị Kiều P, Đặng Thị Kim M1, Huỳnh Thị Thúy A1, Phan Thị Bích T2 (nghỉ thai sản); Văn Thị Ánh N2 (nghỉ không lương); Nguyễn Thị N3, Nguyễn Thị Kiều P (nghỉ bệnh hưởng chế độ).

Với thủ đoạn lập khống chứng từ BHXH hoàn trả như giai đoạn từ tháng 01/2016 đến tháng 11/2016 (đã nêu ở giai đoạn bà Nguyễn Thị Xuân H2 làm hiệu trưởng), ở giai đoạn bà Nguyễn Thị N1 làm hiệu trưởng, Nguyễn Hoàng A tiếp tục tham ô số tiền 272.931.119 đồng; (số tiền tham ô của từng trường hợp được liệt kê tại Phụ lục 2.1).

+ Thủ đoạn chèn (ghi thêm) tên của những người không có thật, không công tác tại T vào Bảng thanh toán tiền lương từ tháng 09/2018 đến tháng 12/2019 để tham ô số tiền 254.941.444 đồng (B):

Có 02 trường hợp Nguyễn Hoàng N4, Nguyễn Thị Hồng C1 không công tác tại Trường THCS M2 (họ tên do bị cáo tự nghĩ ra). Từ tháng 9/2018, khi lập Bảng thanh toán tiền lương, Hoàng A sử dụng máy tính thao tác trên phần mềm Excel chèn thêm tên của 02 trường hợp này vào Bảng lương, tự cho hệ số lương, các chế độ phụ cấp, đặt công thức tính ra tiền lương tháng giống như trường hợp giáo viên thực tế công tác và hưởng chế độ, theo đó Hoàng A sử dụng chuột "phủ khối" (bôi đen) dòng có tên "Nguyễn Hoàng N4, Nguyễn Thị Hồng C1", "click" (bấm) chọn lệnh "Hide", các dòng này sẽ bị ẩn đi trên bảng lương, nhưng vẫn đặt công thức lệnh "SUM" để cộng các cột lương chi tiết thành số liệu tổng lương, phụ cấp trong tháng, do đó số liệu tổng vẫn mặc định tính số liệu đã bị ẩn. Sau khi thực hiện xong thao tác ẩn tên, làm xong số liệu, Hoàng A in ra bảng giấy, ký

giả chữ ký của bà Nguyễn Thị N1 vào Bảng thanh toán tiền lương, Danh sách CBCNV nhận tiền qua thẻ ATM, Danh sách nhà giáo hưởng phụ cấp để chuyển Kho bạc và Ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản ATM cá nhân của bị cáo; (số tiền tham ô của từng trường hợp được liệt kê tại Phụ lục 2.2).

+ Tham ô từ nguồn Phúc lợi, từ tháng 12/2016 đến năm 2019 số tiền 212.421.600 đồng (C):

Từ tháng 12/2016 đến năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị N1 không chủ trương, không chỉ đạo sử dụng tiền từ nguồn quỹ Phúc lợi để chi hỗ trợ đời sống cho cán bộ giáo viên nhà trường vào các dịp lễ, tết. Nhưng bị cáo Nguyễn Hoàng A đã tự lập các thủ tục: Ủy nhiệm chi chuyển khoản 35% hỗ trợ đời sống giáo viên, Danh sách giáo viên nhận tiền hỗ trợ đời sống, ký giả chữ ký của Nguyễn Thị N1 vào chứng từ đề nghị KBNN duyệt chi; sau đó bị cáo tiếp tục lập khống chứng từ với nội dung đề nghị Ngân hàng A2 chi nhánh thị xã C chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bị cáo để chiếm đoạt. Với thủ đoạn nêu trên, bị cáo Nguyễn Hoàng A đã lập, ký giả chữ ký của Nguyễn Thị N1 trên 32 chứng từ để tham ô của nguồn quỹ Phúc lợi số tiền 212.421.600 đồng; (số tiền tham ô của từng trường hợp được thể hiện tại Phụ lục số 3).

Như vậy, trong giai đoạn từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2019, Nguyễn Hoàng A tham ô số tiền 740.294.163 đồng (A + B + C).

- Giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2021, Nguyễn Hoàng A tham ô số tiền 2.478.748.083 đồng với thủ đoạn như sau:

(1) Hành vi lập khống dự toán chi lương năm 2020 và năm 2021:

Tháng 01/2020, Phòng G1 (gọi tắt là "*Phòng GD&ĐT*") đề nghị các trường lập và gửi dự toán chi con người (chi lương, phụ cấp…) năm 2020. Dự toán năm 2020 căn cứ vào Bảng lương tháng 01/2020 thể hiện số lượng biên chế, hệ số lương, phụ cấp của giáo viên tại thời điểm lập để làm cơ sở cấp dự toán cho cả năm 2020. Dự toán năm 2021, thực hiện tương tự như năm 2020.

Khi tiến hành lập dự toán năm 2020, năm 2021, bị cáo Nguyễn Hoàng A đã tự tính toán, chèn thêm tên của người không có thật (ghi khống tên) nâng số lượng giáo viên, hệ số lương giáo viên, phụ cấp ưu đãi của giáo viên trên bảng lương tháng 01/2020 và tháng 01/2021 làm cho số tiền dự toán chi cao hơn thực tế giáo viên đang công tác được hưởng tại Trường THCS M2, với thủ đoạn cụ thể như sau:

- Năm 2020: Tháng 01/2020, Trường THCS M2 có 62 biên chế. Khi lập Bảng lương, Nguyễn Hoàng A ghi thêm số lượng biên chế là 12 trường hợp, tự ghi các chế độ phụ cấp, tiền lương…, với thủ đoạn như sau:

Hai trường hợp Trần Thị N5, Đoàn Minh D đã chuyển công tác năm 2018; còn 10 trường hợp bị cáo ghi thêm tên "Nguyễn Hoàng N4, Nguyễn Thị Hồng C1" và lập lại liên tục đủ thứ tự trên Bảng lương tháng 01/2020.

Sau đó, bị cáo thao tác trên máy tính làm ẩn 12 dòng đã thêm vào nhưng vẫn đặt lệnh cộng số tổng cộng. Thực hiện xong in ra bảng giấy và trình cho bị

cáo Nguyễn Thị N1 ký duyệt vào chứng từ để chuyển Phòng GD&ĐT, Phòng tài chính thị xã G1 duyệt, cấp dự toán. Từ đó làm cho số tiền dự toán phải cấp cho Trường THCS M2 cao hơn thực tế.

- Năm 2021: Tháng 01/2021, Trường THCS M2 có 61 biên chế, bị cáo không thực hiện thủ đoạn như năm 2020 mà tiến hành sửa, nâng hệ số lương, hệ số phụ cấp ưu đãi nghề của 20 giáo viên cao hơn số tiền giáo viên thực hưởng, từ đó đã làm tăng dự toán cấp cho năm 2021.

Khi nhận chứng từ dự toán do Hoàng A trình ký, bị cáo Nguyễn Thị N1 đã tin tưởng ký duyệt vào chứng từ dự toán năm 2020, năm 2021, không tiến hành kiểm tra đối chiếu với số tiền dự toán đã được cấp cho năm trước, số tiền chi đã quyết toán của năm trước để đối chiếu với dự toán năm 2020 và năm 2021. Từ đó không phát hiện được việc nâng khống số tiền dự toán của bị cáo Nguyễn Hoàng A cao hơn số tiền thực tế phải chi, cụ thể:

Số tiền dự toán phải cấp đúng cho T THCS Mai Thị Ú trong năm 2020 là: 7.854.120.521 đồng; trong khi đó, dự toán mà Phòng GD&ĐT thị xã G1 đã cấp cho Trường THCS M2 là: 9.337.044.843 đồng. Như vậy, chênh lệch số tiền dự toán cấp không đúng là: 1.482.924.322 đồng (9.337.044.843 đồng - 7.854.120.521 đồng).

Số tiền dự toán phải cấp đúng cho trường THCS M2 trong năm 2021 là: 7.882.831.847 đồng; trong khi đó, dự toán mà Phòng GD&ĐT thị xã G1 đã cấp cho Trường THCS M2 là: 9.071.463.306 đồng. Như vậy, chênh lệch số tiền dự toán cấp không đúng là: 1.188.631.459 đồng (9.071.463.306 đồng - 7.882.831.847 đồng).

(2) Hành vi tham ô số tiền dự toán đã nâng khống năm 2020, 2021:

Để tham ô tiền chênh lệch dự toán đã cấp năm 2020, năm 2021, bị cáo tiếp tục thực hiện thủ đoạn:

Trên bảng chi lương, phụ cấp hàng tháng cho CBCNV nhà trường, bị cáo Nguyễn Hoàng A chèn thêm 05 trường hợp: Trần Thị N5, Đoàn Minh D, Văn Thị Ánh N2 (đã chuyển công tác hoặc nghỉ công tác), Nguyễn Hoàng N4, Nguyễn Thị Hồng C1 (không công tác ở trường), thao tác trên máy tính làm ẩn đi số thứ tự giáo viên, tên, số tiền lương, hệ số phụ cấp được hưởng, do đó trên bảng thanh toán tiền lương, danh sách hưởng phụ cấp không thể hiện các trường hợp này nhưng cột tổng tiền chi trả lương vẫn cộng số liệu tiền lương, phụ cấp đã bị ẩn đi. Bị cáo in Bảng thanh toán tiền lương, Danh sách hưởng phụ cấp… trình bị cáo Nguyễn Thị N1 ký tên.

Sau khi Nguyễn Thị N1 ký tên, bị cáo Nguyễn Hoàng A scan các tài liệu này, thực hiện ký số rồi chuyển cho Nguyễn Thị N1 ký số, sau đó chuyển cho Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi theo quy định. Bị cáo tiếp tục lập Ủy nhiệm chi thể hiện tổng tiền lương chi trả phù hợp với Giấy rút dự toán đã gửi cho Kho bạc Nhà nước, Danh sách CBCNV nhận tiền lương qua thẻ ATM, trong đó số tiền nâng khống của các trường hợp ẩn tên nêu trên được bị cáo hạch toán chuyển vào tài khoản ATM cá nhân của bị cáo. Sau khi ngân hàng chuyển tiền, bị cáo rút

và tham ô. Từ tháng 01/2020 đến tháng 09/2021, bị cáo tham ô tổng số tiền 2.478.748.083 đồng; (số tiền tham ô của từng trường hợp được thống kê tại Phụ lục 4).

Như vậy, tổng cộng Nguyễn Hoàng A đã tham ô số tiền trong giai đoạn bà Nguyễn Thị N1 làm hiệu trưởng tổng số tiền: 3.219.042.246 đồng (Giai đoạn từ 12/2016 đến tháng 12/2019 là: 740.294.163 đồng + Giai đoạn năm 2020, 2021 là 2.478.748.083 đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền tham ô: 3.335.186.908 đồng. Tòa cấp sơ thẩm: Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hoàng A nộp số tiền 3.062.502.964 đồng; bị cáo Nguyễn Thị N1 nộp số tiền 30.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Còn lại Nguyễn Hoàng A phải trả lại số tiền 242.683.944 đồng còn chiếm đoạt

Ngoài ra nội dung vụ án còn có thể hiện: B. Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của bị cáo Nguyễn Thị N1 từ tháng 12/2016 đến tháng 12/2021; việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; kết quả giám định về tài chính; kết quả giám định chữ ký; đối với những người liên quan trong vụ án: Nguyễn Thị Xuân H2 – Các cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã G1 (Đặng Thị Huỳnh L1 – Kế toán Phòng GD&ĐT,) Đoàn Thị T3 – Trưởng Phòng GD&ĐT thị xã C, tỉnh Tiền Giang); đối với bà Nguyễn Thị Cẩm H5, ông Nguyễn Văn Ú1 – Cán bộ Kho bạc Nhà nước thị xã K, tỉnh Tiền Giang; đối với ông Tăng Văn N6 – Cán bộ tín dụng của Ngân hàng A2 – Chi nhánh thị xã C; đối với Huỳnh Thị Thúy A1 và Nguyễn Thị Kim L2 – Giáo viên Trường THCS M2 được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm quản lý con dấu của Trường THCS M2 do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Hội đồng xét xử không nêu cụ thể.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 24/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội "Tham ô tài sản"; bị cáo Nguyễn Thị N1 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, m khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 20 (hai mươi) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N1, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, lãi suất trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 03/02/2025, bị cáo Nguyễn Hoàng A có đơn kháng cáo phần hình phạt của án sơ thẩm với lý do kháng cáo:

Bị cáo cho rằng mức án Tòa sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì thế, bị cáo Hoàng A kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay*:**

- Bị cáo có kháng cáo Nguyễn Hoàng A, trình bày: Bị cáo thừa nhận nội dung án sơ thẩm nêu là đúng với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, quyết định của Tòa sơ thẩm là đúng người, đúng tội vì thế bị cáo không kêu oan, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã chủ động khắc phục hơn ¾ số tiền đã chiếm đoạt, hiện chỉ còn 242.683.944 đồng, trong đó hoàn trả ngân sách nhà nước thị xã C số tiền 39.862.344 đồng và Quỹ Phúc lợi Trường THCS M2 số tiền 202.821.600 đồng. Bị cáo hiện đang gặp hoàn cảnh khó khăn, chưa có khả năng khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nhưng bị cáo sẽ cố gắng tác động gia đình khắc phục trong thời gian gần nhất; bị cáo xin trích tiền bảo hiểm còn lại để trả. Trong quá trình bị truy tố và xét xử, bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của bị cáo nên bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; ngoài ra, bị cáo có quá trình công tác trong ngành giáo dục và có nhiều đóng góp cho ngành, nên xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*:** Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Khi quyết định hình phạt, Tòa sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ; tuy nhiên, xét thấy bị cáo Hoàng A đã bồi thường hơn ¾ số tiền chiếm đoạt, hiện chỉ còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 242.683.944 đồng, nhận thấy mức hình phạt 20 năm tù mà Tòa sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng A, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Luật sư Đoàn Trọng N bào chữa cho bị cáo Hoàng A, trình bày: Luật sư thống nhất với quan điểm của đại diện của Viện kiểm sát, trong quá trình bị truy tố, xét xử, bị cáo Hoàng A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; bị cáo đã khắc phục hơn ¾ số tiền chiếm đoạt trước khi xét xử sơ thẩm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng A.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hoàng A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị cáo N1, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa sơ thẩm, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định:

Từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2021, lợi dụng sự tin tưởng, buông lỏng công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát công tác tài chính của thủ trưởng đơn vị là bà Nguyễn Thị Xuân H2 và bị cáo Nguyễn Thị N1, bị cáo Hoàng A đã nhiều lần lập khống chứng từ kế toán, giả chữ ký chủ tài khoản, chiếm đoạt số tiền 3.335.186.908 đồng. Trong đó, thời gian từ tháng 12/2016 đến 12/2021 thuộc trách nhiệm quản lý của bị cáo Nguyễn Thị N1 với số tiền 3.198.642.246 đồng.

Vì thế, Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội không oan, sai. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoàng A, xét:

Tòa sơ thẩm khi lượng hình đã xét bị cáo dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để thực hiện hành vi phạm tội; phạm tội nhiều lần là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Hoàng A có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả. Vì thế, Tòa sơ thẩm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng nhưng chưa đủ, bởi:

Quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan thẩm quyền trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo tham ô số tiền bị quy buộc là 3.335.186.908 đồng, nhưng bị cáo đã chủ động nộp khắc phục trước khi xét xử sơ thẩm hơn ¾ số tiền chiếm đoạt, nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đủ điều kiện để áp dụng Điều 5 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. Do bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mới vừa nêu, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận đề nghị của Luật sư và chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; sửa án sơ thẩm về hình

phạt đối với bị cáo Hoàng A, giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và cũng đủ răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N1, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, lãi suất, trong thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng A, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 24/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, m khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, Điều 5 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng A **16 (mười sáu) năm tù**; thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023.

- Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hoàng A bằng Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để bảo đảm việc thi hành bản án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Hoàng A không phải nộp án phí phúc thẩm.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N1, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, lãi suất, trong thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Công an tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang;
"*để tống đạt cho bị cáo*";
- Lưu HS (2), VT (5), 25b, (TK-PH).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu